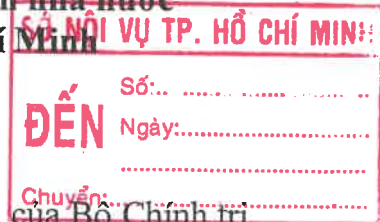


Số: **1440**/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **14** tháng **4** năm 2023

KẾ HOẠCH

Về triển khai thực hiện tình giản biên chế công chức hành chính
và giảm số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước
giai đoạn 2023 - 2026 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh



Thực hiện Kết luận số 28-KL/TW ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về tình giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Kết luận số 40-KL/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022 - 2026;

Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tình giản biên chế (gọi tắt là Nghị định số 108/2014/NĐ-CP); Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP; Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ;

Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện tình giản biên chế công chức hành chính và giảm số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước giai đoạn 2023 - 2026 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Triển khai rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy, tình giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2023 - 2026 theo Kết luận số 28-KL/TW, Kết luận số 40-KL/TW của Bộ Chính trị.

2. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò giám sát của các tổ chức chính trị - xã hội trong quá trình thực hiện tình giản biên chế; tiến hành trên cơ sở rà soát, sắp xếp lại tổ chức và thực hiện xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; đảm bảo nguyên tắc tập trung, dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch, kịp thời, đầy đủ theo quy định của pháp luật.

3. Phân đầu giai đoạn 2023 - 2026, giảm ít nhất 5% biên chế công chức hành chính và giảm ít nhất 10% biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

4. Thực hiện tốt công tác tư tưởng đối với các đối tượng chịu tác động trực tiếp từ việc sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, kịp thời giải quyết chế độ, chính sách, đảm bảo theo quy định.

5. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện tinh giản biên chế nhằm đảm bảo thực hiện đúng, đủ chỉ tiêu đã đưa ra và phù hợp với tình hình nhu cầu thực tiễn trong từng cơ quan, đơn vị.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật về tinh giản biên chế

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền sâu rộng đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức người lao động các văn bản liên quan đến chính sách tinh giản biên chế:

1.1. Văn bản của Đảng về quản lý biên chế và tinh giản biên chế

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

- Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

- Kết luận số 28-KL/TW ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;

- Kết luận số 40-KL/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022 - 2026;

- Quy định số 70-QĐ/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị về quản lý biên chế của hệ thống chính trị.

1.2. Văn bản của Chính phủ, các cơ quan Trung ương về quản lý biên chế và tinh giản biên chế

- Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

- Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

- Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

- Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP; Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ;

- Quyết định số 1046/QĐ-TTg ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 28-KL/TW ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Kết luận số 40-KL/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022 - 2026 và Quy định số 70-QĐ/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị về quản lý biên chế của hệ thống chính trị;

- Thông tư số 31/2019/TT-BTC ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc xác định nguồn kinh phí và việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế;

- Công văn số 3538/BNV-TCBC ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Bộ Nội vụ về tính hưởng chế độ, chính sách tinh giản biên chế; Công văn số 4126/BNV-TCBC ngày 24 tháng 8 năm 2021 của Bộ Nội vụ về việc xác định tuổi hưởng chính sách về hưu trước tuổi theo quy định tại Nghị định số 143/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Quản lý biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn liền với sắp xếp tổ chức bộ máy, đẩy mạnh cơ chế tự chủ

2.1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện tăng cường quản lý biên chế chặt chẽ và hiệu quả; tiếp tục triển khai thực hiện việc tinh giản biên chế có trọng tâm, trọng điểm, không cào bằng và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức, cơ quan, đơn vị; gắn tinh giản biên chế với đổi mới tổ chức bộ máy, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, thu hút người có đức, có tài vào làm việc trong bộ máy nhà nước.

a) Xây dựng kế hoạch tinh giản biên chế giai đoạn 2023 - 2026 trình Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt; trong đó, nêu rõ kế hoạch tinh giản biên chế theo từng năm và đến năm 2026 tinh giản ít nhất 5% biên chế cán bộ, công chức và ít nhất 10% biên chế số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2023.

b) Kết quả thực hiện tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là một trong những tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm của tập thể, cá nhân người đứng đầu cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện.

2.2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện tiếp tục thực hiện việc rà soát, kiện toàn sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp đảm bảo hoạt động có hiệu quả.

a) Hoàn thiện quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức, mối quan hệ công tác của các sở, ban, ngành, các đơn vị trực thuộc; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, Nghị định số 108/2020/NĐ-CP, Thông tư hướng dẫn của các bộ, ngành bảo đảm không chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, một việc chỉ giao một cơ quan chủ trì thực hiện.

b) Tiếp tục rà soát, đề xuất phương án sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc hoạt động không hiệu quả, không đảm bảo tiêu chí, điều kiện thành lập,... theo Nghị định số 120/2020/NĐ-CP phù hợp với quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế và mục tiêu phát triển của ngành, địa phương, đặc biệt là các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Rà soát, nghiên cứu việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần theo Nghị định số 150/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ và thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ.

c) Không thành lập mới các cơ quan, tổ chức hành chính không có trong quy định hoặc chưa cần thiết, trường hợp phải thành lập mới thì các cơ quan, đơn vị tự cân đối biên chế công chức để bố trí; các đơn vị sự nghiệp công lập chỉ thành lập mới khi thật sự cần thiết và phải tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư (*trừ trường hợp phải thành lập mới để cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu*).

d) Thực hiện rà soát, sửa đổi bổ sung, hoàn thiện quy chế làm việc, trong đó quy định rõ quyền hạn, trách nhiệm của tập thể, cá nhân, nhất là người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện việc tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

đ) Tăng cường rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về công tác phân cấp, ủy quyền nhằm tạo tính chủ động, tăng tính hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực.

2.3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện đẩy mạnh tự chủ đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường, thúc đẩy xã hội hóa trong việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

a) Xây dựng kế hoạch thực hiện xã hội hóa, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn để đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công.

b) Phối hợp với Sở Tài chính xây dựng Đề án tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp nhằm đẩy mạnh mức độ tự chủ, giảm dần số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước nhưng vẫn đảm bảo tính hiệu quả của các đơn vị sự nghiệp.

3. Về việc xây dựng vị trí việc làm, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

3.1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện tiếp tục rà soát, hoàn thiện việc xây dựng, phê duyệt hoặc trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Đề án vị trí việc làm theo quy định nhằm chuẩn hóa, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của từng cơ quan, đơn vị theo vị trí việc làm.

3.2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện rà soát trình độ đào tạo, năng lực của cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý để ban hành kế hoạch sắp xếp, bố trí sử dụng phù hợp với vị trí việc làm và yêu cầu nhiệm vụ chung của cơ quan, đơn vị, địa phương.

4. Về thực hiện chính sách tinh giản biên chế

4.1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện tiếp tục rà soát các đối tượng, lập danh sách và dự toán kinh phí thực hiện tinh giản biên chế cho từng đối tượng để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4.2. Định kì 02 lần/ năm (kỳ 01: trước ngày 01 tháng 6 hằng năm; kỳ 02: trước ngày 15 tháng 12 hằng năm), thủ trưởng các sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện tổng hợp kết quả thực hiện tinh giản biên chế, bao gồm danh sách đối tượng tinh giản biên chế theo mẫu tại Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14 tháng 04 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế (kèm theo giải trình làm rõ lý do tinh giản biên chế của từng đối tượng) và kinh phí thực hiện tinh giản biên chế gửi Sở Nội vụ tổng hợp trình Ủy ban nhân dân Thành phố gửi Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính kiểm tra theo quy định.

4.3. Định kỳ vào ngày 15 tháng 01 hằng năm, thủ trưởng các sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện tổng hợp kết quả đánh giá tình hình thực hiện tinh giản biên chế của cơ quan, đơn vị, địa phương mình gửi Sở Nội vụ tổng hợp trình Ủy ban nhân dân Thành phố gửi Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính tổng hợp để báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện

a) Nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và kế hoạch của Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Thực hiện quản lý biên chế công chức hành chính, số lượng người làm việc chặt chẽ và có hiệu quả.

c) Phối hợp với Bảo hiểm xã hội cùng cấp giải quyết chế độ, chính sách cho các đối tượng thực hiện tinh giản biên chế theo quy định.

d) Thanh toán chế độ, chính sách cho các đối tượng tinh giản biên chế và thực hiện quyết toán kinh phí chi trả trợ cấp cho các đối tượng tinh giản biên chế thuộc cơ quan, đơn vị. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện phải chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện tinh giản biên chế trong cơ quan, đơn vị, địa phương được giao quản lý theo thẩm quyền. Trường hợp tổng hợp sai đối tượng chính sách tinh giản biên chế thì xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.

đ) Khi thực hiện tinh giản biên chế không đúng đối tượng theo quy định của pháp luật, người đã hưởng chính sách tinh giản biên chế và cơ quan tổ chức, đơn vị quản lý trực tiếp người đó có trách nhiệm thực hiện theo Nghị định số 113/2018/NĐ-CP.

2. Sở Nội vụ

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Bảo hiểm xã hội Thành phố thẩm định danh sách đối tượng tinh giản biên chế của các cơ quan, đơn vị trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt theo quy định.

b) Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị các nội dung phát sinh hoặc còn chưa rõ trong quá trình xác định đối tượng, các trường hợp tinh giản biên chế và chính sách hưởng chế độ tinh giản biên chế để triển khai thực hiện theo đúng Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP, Nghị định số 143/2020/NĐ-CP.

c) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố lập danh sách đối tượng tinh giản biên chế và xây dựng báo cáo kết quả tinh giản biên chế, gửi Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính để kiểm tra theo quy định, đợt 1 trước ngày 08 tháng 7, đợt 2 trước ngày 08 tháng 01 hằng năm.

d) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo kết quả, đánh giá tình hình thực hiện tinh giản biên chế, định kỳ trước ngày 10 tháng 02 hàng năm, gửi Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính tổng hợp để báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

đ) Hằng năm tiến hành tổ chức kiểm tra việc thực hiện chính sách tinh giản biên chế tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn Thành phố.

e) Căn cứ vào kết quả thực hiện tinh giản theo kế hoạch đã được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện.

3. Sở Tài chính

a) Thẩm định mức trợ cấp, kinh phí cho các đối tượng diện tinh giản biên chế sau khi có Quyết định phê duyệt danh sách các đối tượng tinh giản biên chế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí từ dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm để thực hiện việc chi trả các chế độ, chính sách cho đối tượng tinh giản biên chế theo quy định.

c) Hướng dẫn, tổ chức việc thực hiện chi trả các chế độ chính sách cho đối tượng tinh giản biên chế.

d) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố tổng hợp, quyết toán kinh phí chi trả cho các đối tượng tinh giản biên chế, báo cáo Bộ Tài chính theo quy định.

e) Tham mưu trình Ủy ban nhân dân Thành phố rà soát, đề xuất và triển khai thực hiện việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần theo Nghị định số 150/2020/NĐ-CP; triển khai các nội dung liên quan đến việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị đề xuất các phương án tăng cường cơ chế tự chủ tài chính, kiến nghị cấp có thẩm quyền giải quyết các khó khăn trong quá trình thực hiện việc nâng cao mức độ tự chủ theo quy định.

4. Bảo hiểm xã hội Thành phố

a) Phối hợp với Sở Nội vụ thẩm định quá trình đóng bảo hiểm xã hội và chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội của các đối tượng diện tinh giản biên chế đảm bảo theo đúng quy định.

b) Hướng dẫn về nghiệp vụ và chỉ đạo Bảo hiểm xã hội thành phố Thủ Đức và các quận - huyện rà soát, thu bảo hiểm xã hội và giải quyết chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội đối với cán bộ, công chức, viên chức theo quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP, Nghị định số 143/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện tinh giản biên chế công chức hành chính và giảm số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước giai đoạn 2023 - 2026 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Ủy ban nhân dân Thành phố (thông qua Sở Nội vụ) để được xem xét và giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Thành ủy;
- TT HĐND/TP, TT UBND/TP;
- TTUB: CT, các PCT;
- Các Ban của HĐND Thành phố;
- Ban Tổ chức Thành ủy;
- Sở, ban, ngành Thành phố;
- Sở Nội vụ; Sở Tài chính;
- Bảo hiểm xã hội Thành phố;
- Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Ủy ban nhân dân các quận - huyện;
- VPUB: CPVP; Phòng VX, TH;
- Lưu : VT, (VX/KN).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Văn Hoan